

Nghệ An, ngày 28 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 30; 48; 212; 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 275; 280; 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Điều 91, 95 - Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12; Điều 210 - Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 13 - Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 14/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 18; Điều 25; khoản 2, 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 89/2026/TLST-DS ngày 14 tháng 04 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Tòa V, số H láng H, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT

CCCD số: 001068009931 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 14/04/2023.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Ngọc Q - Trưởng phòng xử lý nợ. Theo văn bản ủy quyền số 50/2025/UQN-CTQT ngày 07/11/2025 của Chủ tịch HĐQT)

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Tiến T - Chuyên viên xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số 4059/2026/UQ – LCC – KHCN MB1 ngày 15/01/2026).

- **Bị đơn:** Bà **Lê Thị S**, sinh năm 1977;
Địa chỉ: **xóm N (nay là xóm H), xã N, Nghệ An.**

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà **Lê Thị S** có nghĩa vụ thanh toán, trả nợ cho **ngân hàng TMCP V (V1)** theo Hợp đồng tín dụng số LN2401301735239 ngày 05/02/2024 với tổng số tiền tính đến ngày 20/8/2026 là 630.453.992 đồng(Sáu trăm ba mươi triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, chín trăm chín mươi hai đồng) trong đó nợ gốc là 532,808,000 đồng (Năm trăm ba mươi hai triệu, tám trăm linh tám nghìn đồng); nợ lãi trong hạn là 5.530.025 đồng (Năm triệu, năm trăm ba mươi nghìn không trăm hai mươi lăm đồng); nợ lãi quá hạn là 87.915.814 đồng (tám mươi bảy triệu, chín trăm mười lăm nghìn tám trăm mười bốn đồng); nợ lãi chậm trả: 4.200.153 đồng (bốn triệu, hai trăm nghìn, một trăm năm mươi ba đồng)

Kể từ ngày 21/8/2026 buộc bà **Lê Thị S** phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng số LN2401301735239 ngày 05/02/2024 và các cam kết đã ký với **V1** (nếu có) đến ngày trả dứt nợ.

Sau khi Quyết định này có hiệu lực pháp luật, trường hợp bà **Lê Thị S** không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì **Ngân hàng TMCP V (V2)** có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản của bà **Lê Thị S** để thu hồi nợ cho **TMCP Việt Nam V (V2)** bao gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất, nhà ở, mọi công trình xây dựng, và toàn bộ các tài sản khác gắn liền với tài sản thế chấp (kể cả trường hợp tài sản hình thành trong tương lai) tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 50, tại **xóm N (nay là xóm H), xã N, tỉnh Nghệ An** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB716267, số vào sổ cấp GCN: CS00038 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N** cấp ngày 14/06/2021 cho bà **Lê Thị S**; theo Hợp đồng thế chấp số LN2401301735239 ký kết ngày 02/02/2024 giữa **Ngân hàng TMCP V (V1)** và bà **Lê Thị S** để thu hồi nợ.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, **V1** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của bà **Lê Thị S** để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **V1** cho đến khi thực tế trả hết các khoản nợ. Nếu còn thừa thì **V1** phải có nghĩa vụ trả lại cho bà **Lê Thị S**.

Trường hợp bà **Lê Thị S** trả hết số nợ trên thì **Ngân hàng TMCP V (V1)** phải có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB716267, số vào sổ cấp GCN: CS00038 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N** cấp ngày 14/06/2021 cho bà **Lê Thị S** theo hợp đồng thế chấp số LN2401301735239 ký kết ngày 02/02/2024 giữa **Ngân hàng TMCP V (V1)** và bà **Lê Thị S**.

- **Án phí:** Bà **Lê Thị S** phải chịu 50% án phí với số tiền là 14.609.080 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm linh chín nghìn không trăm tám mươi đồng) án phí DSST.

Hoàn trả cho **ngân hàng V1** số tiền tạm ứng án phí là 13.100.044 đồng (Mười ba triệu, một trăm nghìn, không trăm bốn mươi bốn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002654 ngày 14/4/2026, tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, 4 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và 71 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 8 - Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Phòng THADS khu vực 8-Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ngoan